Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4907.00.60

Mã HS	4907.00.60
Mô tả hàng hóa	Các loại tem bưu chính, tem thuế hoặc tem tương tự chưa qua sử dụng, loại đang được lưu hành hoặc mới phát hành tại nước mà ở đó chúng có, hoặc sẽ có giá mặt được công nhận; giấy có dấu tem sẵn; các loại giấy bạc ngân hàng (banknotes); mẫu séc; giấy chứng nhận cổ phần, cổ phiếu hoặc trái phiếu và các loại chứng từ sở hữu tương tự / - Giấy chứng nhận cổ phần, cổ phiếu hoặc trái phiếu và các loại chứng từ sở hữu tương tự
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:11:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49070060/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7772
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7772
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7772
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7495
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7448
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7448
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7448
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7448
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7448
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7448
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7498
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7498
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7498
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7498

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7498
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7498
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7499
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7499
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7499
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7499
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7499
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7499
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7500
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7454
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7462
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7462
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7462
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7462
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7462
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7462
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7484
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7484
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7484
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7484
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7484
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7484
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7530
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7530
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7530
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7530

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7530
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7530
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7510
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7510
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7510
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7510
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7510
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7510
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7523
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7523
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7523
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7523
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7523
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7523
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7527
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7527
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7527
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7527
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7527
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7527
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7528
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7528
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7528
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7528
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7528
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7528

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7478
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7478
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7478
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7478
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7478
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7478
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7478
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7515
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7515
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7515
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7515
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7515
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7515
RCEP B	2022	2022	0	B!D7515
RCEP B	2023	2023	0	B!E7515
RCEP B	2024	2024	0	B!F7515
RCEP B	2025	2025	0	B!G7515
RCEP B	2026	2026	0	B!H7515
RCEP B	2027	2027	0	B!I7515
RCEP C	2022	2022	0	C!D7515
RCEP C	2023	2023	0	C!E7515
RCEP C	2024	2024	0	C!F7515
RCEP C	2025	2025	0	C!G7515
RCEP C	2026	2026	0	C!H7515
RCEP C	2027	2027	0	C!I7515
RCEP D	2022	2022	0	D!D7515

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E7515
RCEP D	2024	2024	0	D!F7515
RCEP D	2025	2025	0	D!G7515
RCEP D	2026	2026	0	D!H7515
RCEP D	2027	2027	0	D!I7515
RCEP E	2022	2022	0	E!D7518
RCEP E	2023	2023	0	E!E7518
RCEP E	2024	2024	0	E!F7518
RCEP E	2025	2025	0	E!G7518
RCEP E	2026	2026	0	E!H7518
RCEP E	2027	2027	0	E!I7518
RCEP F	2022	2022	0	F!D7515
RCEP F	2023	2023	0	F!E7515
RCEP F	2024	2024	0	F!F7515
RCEP F	2025	2025	0	F!G7515
RCEP F	2026	2026	0	F!H7515
RCEP F	2027	2027	0	F!I7515
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6949
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6949
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6949
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6949

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4907.00 có 6 dòng thuế; dòng 4907.00.60 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Giấy chứng nhận cổ phần, cổ phiếu hoặc trái phiếu và các loại chứng từ sở hữu tương tự.	4907.00.10 Giấy bạc ngân hàng (banknotes), loại pháp định(*); 4907.00.21 Tem bưu chính; 4907.00.29 Loại khác; 4907.00.50 Mẫu séc; 4907.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 4907.00.60 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 4907.00.60	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4907.00.60. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4907.00.60 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7772), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.